

Số: **337**/LMHTXVN-CSPT

Hà Nội, ngày 10 tháng 6 năm 2021

Về xây dựng Báo cáo Tổng kết Nghị quyết
số 13-NQ/TW và Nghị quyết số 26-NQ/TW
đối với kinh tế tập thể, hợp tác xã
lĩnh vực nông nghiệp

Kính gửi: Liên minh Hợp tác xã tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Ban Chỉ đạo Trung ương giao Liên minh HTX Việt Nam xây dựng các Báo cáo Tổng kết về phát triển kinh tế tập thể, HTX và hoạt động của hệ thống Liên minh HTX Việt Nam để phục vụ Tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ-TW ngày 18/3/2002 về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, Tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và Tổng kết 10 năm thi hành Luật HTX năm 2012. Căn cứ Báo cáo Tổng kết Nghị quyết của Ban chỉ đạo Trung ương, Đảng và Nhà nước ban hành chủ trương, chính sách và pháp luật về phát triển kinh tế tập thể, HTX, hoạt động của hệ thống Liên minh HTX Việt Nam trong thời kỳ mới.

Thực hiện chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương, Nghị quyết số 227/NQ-LMHTXVN ngày 19/5/2021 của Ban Chấp hành Liên minh HTX Việt Nam về triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2021; để tránh trùng lặp số liệu và nội dung, giảm số lượng báo cáo, Ban Chấp hành Liên minh HTX Việt Nam tổ chức xây dựng 03 Báo cáo trong thời gian từ tháng 6 - 9/2021: **(1)** Báo cáo Tổng kết Nghị quyết số 13-NQ/TW và Nghị quyết số 26-NQ/TW về phát triển kinh tế tập thể, HTX **lĩnh vực nông nghiệp**; **(2)** Báo cáo Tổng kết Nghị quyết số 13-NQ/TW và Nghị quyết số 26-NQ/TW về phát triển kinh tế tập thể, HTX **lĩnh vực phi nông nghiệp**; **(3)** Báo cáo Tổng kết thi hành Luật HTX năm 2012.

Trước mắt, Liên minh HTX Việt Nam đề nghị Liên minh HTX tỉnh, thành phố xây dựng Báo cáo Tổng kết Nghị quyết số 13-NQ/TW và Nghị quyết số 26-NQ/TW về phát triển kinh tế tập thể, HTX **lĩnh vực nông nghiệp theo Đề cương gửi kèm công văn này; gửi Báo cáo Tổng kết cho Liên minh HTX Việt Nam trước ngày 20/7/2021** (Địa chỉ: Số 6, phố Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội và Email: chinh sach@vca.org.vn; tonghop@vca.org.vn; liên hệ đồng chí Phạm Thị Tố Oanh, Trưởng Ban Chính sách và Phát triển HTX, điện thoại 091.211.7779).

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Thường trực LMHTXVN;
- Công TTĐT;
- Lưu: VT, CSPT.

**TM. BAN CHẤP HÀNH
CHỦ TỊCH**


Nguyễn Ngọc Bảo



Hà Nội, ngày 10 tháng 6 năm 2021

ĐỀ CƯƠNG

Báo cáo tổng kết 20 năm thực hiện thực hiện Nghị quyết 13-NQ/TW ngày 18/3/2002, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể và tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết 26-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đối với khu vực kinh tế tập thể, HTX trong lĩnh vực nông nghiệp

Mục đích:

- Đánh giá trung thực, khách quan, khái quát và rút ra được các vấn đề có tính luận cứ về phát triển KTTT, HTX giai đoạn 2002-2020 được đề ra trong Nghị quyết 13-NQ/TW ngày 18/3/2002 và Nghị quyết 26-NQ/TW. Các nội dung này được tổng hợp, trình Ban Chỉ đạo của Bộ Chính trị và Chính phủ xây dựng báo cáo trình Ban Chấp hành Trung ương để ban hành Nghị quyết mới về KTTT, HTX và nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Làm căn cứ để Liên minh HTX Việt Nam đề xuất với Đảng, Nhà nước, cấp ủy và chính quyền địa phương các chủ trương, chính sách pháp luật thúc đẩy phát triển KTTT, HTX trong lĩnh vực nông nghiệp; điều này chính là thực hiện tốt chức năng chăm lo, đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của thành viên.

Yêu cầu:

- Báo cáo tổng kết Nghị quyết 13-NQ/TW và Nghị quyết 26-NQ/TW của khu vực KTTT, HTX trong lĩnh vực nông nghiệp đánh giá đúng thực trạng, khách quan và nêu lên được các sáng kiến, mô hình, giải pháp để đề xuất với Trung ương các vấn đề phù hợp với nhu cầu của đời sống xã hội giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045.

- Làm rõ vai trò nòng cốt Liên minh HTX cấp tỉnh trong phát triển KTTT, HTX ở địa phương.

- Liên minh HTX cấp tỉnh huy động tối đa các nguồn lực trong Ban Chấp hành, cơ quan Liên minh HTX và các thành viên, xã hội hóa để xây dựng báo cáo Tổng kết.

Phạm vi của báo cáo tổng kết:

- Tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết 13-NQ/TW và tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết 26-NQ/TW về phát triển KTTT, HTX trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Đối với khu vực KTTT, HTX lĩnh vực nông nghiệp bao gồm THT, HTX, LHHTX và các thành viên của HTX, THT hoạt động trong lĩnh vực: Trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng và thủy sản đánh bắt, diêm nghiệp, dược liệu, lâm nghiệp, khác.

- Số liệu báo cáo tổng kết trong giai đoạn 2002-2020.

Căn cứ Tổng kết

- Các văn bản về chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước có nội dung về phát triển KTTT, HTX, hệ thống Liên minh HTX Việt Nam.

- Các văn bản về chủ trương của cấp tỉnh, chính sách và quy định của chính quyền địa phương có nội dung về phát triển KTTT, HTX và Liên minh HTX cấp tỉnh.

- Các báo cáo Tổng kết về phát triển KTTT, HTX, hoạt động của Liên minh HTX cấp tỉnh trong giai đoạn vừa qua của cấp ủy và chính quyền địa phương.

- Khảo sát, thu thập và tổng hợp tình hình thực tế về phát triển KTTT, HTX.

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HTX TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2002-2020

I. CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, QUẢN TRIỆT VÀ THỂ CHẾ HÓA NGHỊ QUYẾT

1. Công tác tuyên truyền, quán triệt Nghị quyết

1.1. Kết quả đạt được

- Những nội dung và chương trình thực hiện của cấp ủy, chính quyền tỉnh, huyện, xã, Ban Chỉ đạo đổi mới phát triển KTTT, HTX, Mặt trận tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị xã hội, cơ quan báo chí, và đặc biệt là của Liên minh HTX cấp tỉnh trong công tác tuyên truyền, quán triệt Nghị quyết.

- Hình thức, nội dung, tần suất và cách làm đổi mới, sáng tạo trong tuyên truyền, quán triệt, Nghị quyết, chính sách về KTTT, HTX trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Nhận thức của cấp ủy chính quyền và người dân địa phương về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của khu vực KTTT, HTX trong tái cơ cấu nông nghiệp, phát triển kinh tế nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

1.2. Tồn tại, yếu kém và nguyên nhân

- Nội dung tuyên truyền.

- Hình thức tuyên truyền.

- Đối tượng tuyên truyền.
- Phương thức tổ chức.
- Hiệu quả công tác tuyên truyền.
- Phân tích sâu sắc về các nguyên nhân, tồn tại, yếu kém.

2. Về công tác thể chế hóa Nghị quyết

2.1. Kết quả đạt được

- Nghị quyết, kết luận, thông tri do cấp ủy địa phương ban hành hỗ trợ KTTT, HTX trong lĩnh vực nông nghiệp.
- Quyết nghị, chiến lược, kế hoạch, chính sách hỗ trợ do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành về phát triển KTTT, HTX trong lĩnh vực nông nghiệp.
- Tính kịp thời, phù hợp, hiệu quả tác động của các văn bản do cấp ủy địa phương, hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân ban hành trong hỗ trợ, phát triển khu vực KTTT, HTX lĩnh vực nông nghiệp.

2.2. Tồn tại, yếu kém và nguyên nhân

- Tính kịp thời của các văn bản thể chế hóa Nghị quyết.
- Tác động của các văn bản tới phát triển KTTT, HTX.
- Nội dung khác.
- Phân tích sâu sắc nguyên nhân, tồn tại, yếu kém.

II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HTX TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2002-2020

1. Bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh

- Về đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với tái cơ cấu nền kinh tế, trong đó kinh tế nông nghiệp, nông nghiệp nông dân nông thôn.
- Đổi mới thể chế, dịch chuyển cơ cấu kinh tế nông nghiệp (*trên các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng và thủy sản đánh bắt, dược liệu, lâm nghiệp, diêm nghiệp và khác*), cơ cấu lao động khu vực nông thôn.
- Kết quả chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, định hướng thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (*nếu có*).

2. Tình hình phát triển kinh tế tập thể, HTX trong lĩnh vực nông nghiệp giai đoạn 2002-2020

2.1. Kết quả đạt được

- 2.1.1. Tình hình phát triển số lượng của THT, HTX, LHHTX trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Biến động (tăng/giảm) tổng số THT, HTX, LHHTX, tổng số THT, HTX, LHHTX thành lập mới, giải thể, ngừng hoạt động (có sự so sánh các giai đoạn 2002-2012, 2013-2015, 2016-2020).

- Số lượng HTX được thành lập và hoạt động hiệu quả theo tiêu chí “tổ chức sản xuất” của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Số lượng mô hình HTX thành lập mới và hoạt động hiệu quả theo Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

- Số lượng mô hình HTX có sản phẩm đạt tiêu chuẩn OCCOP, sản phẩm ứng dụng công nghệ cao, xuất khẩu, sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng, có sản phẩm chủ lực của tỉnh hoạt động hiệu quả.

- Số lượng mô hình HTX quy mô lớn hoặc có số lượng thành viên lớn, có tổ chức sản xuất (quy hoạch vùng nguyên liệu, phương án sản xuất, đại hội thành viên đúng quy định, cung ứng dịch vụ tốt cho thành viên,...) hoạt động hiệu quả, tiêu *biểu trên địa bàn tỉnh*.

2.1.2. Lợi ích của thành viên và lao động THT, HTX, LHHTX trong lĩnh vực nông nghiệp

- Được tuyên truyền chủ trương của Đảng, Chính sách pháp luật của Nhà nước về KTTT, HTX: Nội dung tuyên truyền, tần suất, đơn vị thực hiện (chính quyền địa phương, Liên minh HTX cấp tỉnh), nhận thức của thành viên, người lao động về KTTT, HTX và các chính sách có liên quan.

- Được đào tạo, bồi dưỡng, dạy nghề: Nội dung, tần suất và đơn vị triển khai đào tạo, bồi dưỡng, kinh phí hỗ trợ (Trung ương, địa phương và HTX tự chi trả); hiệu quả của việc đào tạo, bồi dưỡng, dạy nghề.

- Được tổ chức sản xuất tập trung theo quy mô lớn, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm (VietGap, Global Gap, tiêu chuẩn hữu cơ, OCOP...), truy xuất nguồn gốc, xây dựng thương hiệu,...

- Được sử dụng dịch vụ mua chung, bán chung của HTX: Khái quát các dịch vụ mua chung, bán chung của HTX; tỷ lệ bình quân thành viên sử dụng dịch vụ này; đánh giá hiệu quả mang đối với thành viên về chi phí sản xuất (nêu cụ thể về giảm chi phí là như thế nào), giá thành sản phẩm, thu nhập tăng thêm so với không sử dụng dịch vụ mua chung, bán chung của HTX.

- Được chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, tiếp cận vốn tín dụng ưu đãi (từ Quỹ hỗ trợ phát triển HTX, Quỹ cho vay giải quyết việc làm, dịch vụ tín dụng nội bộ trong HTX); được chia cổ tức, tham gia đại hội thành viên. Đánh giá hiệu quả mang lại cho thành viên, người lao động.

- Tạo việc làm ổn định và bền vững.

- Vai trò, trách nhiệm của thành viên trong Đại hội thành viên, định hướng và phương án sản xuất kinh doanh của HTX, chia sẻ kinh nghiệm hoạt động, tổ chức sản xuất kinh doanh.

- Niềm tin của các thành viên, nguyện vọng của các thành viên đối với THT, HTX, LHHTX; các hộ cá thể có nguyện vọng tham gia HTX để được hưởng các lợi ích của THT, HTX, LHHTX.

2.1.3. So sánh sự khác biệt trong phát triển HTX giữa Luật HTX năm 2003 và Luật HTX năm 2012

- Sự khác biệt trong hoạt động của HTX, LHHTX được thành lập mới, chuyển đổi theo Luật HTX năm 2012 so với HTX, LHHTX được thành lập mới theo Luật HTX năm 2003.

- Đánh giá rõ phương thức sản xuất HTX, LHHTX kiểu mới theo Luật HTX năm 2012 đã giúp KTTT, HTX thoát khỏi tình trạng manh mún trong hoạt động, vì lợi ích của thành viên và bản thân HTX, LHHTX.

2.1.4. Đánh giá hiệu quả hoạt động các mô hình tiêu biểu

- Số lượng HTX, LHHTX tổ chức hoạt động theo mô hình HTX kiểu mới, sản xuất kinh doanh theo chuỗi giá trị sản phẩm chủ lực của địa phương; trong chuỗi giá trị sản phẩm, HTX và LHHTX tham gia vào khâu nào (số lượng HTX làm tốt khâu dịch vụ đầu vào phục vụ sản xuất, số lượng HTX làm tốt khâu thu hoạch, chế biến và bảo quản sản phẩm sau thu hoạch, số lượng HTX làm tốt khâu bao tiêu thụ sản phẩm cho thành viên), đánh giá hiệu quả của mô hình HTX kiểu mới sản xuất kinh doanh theo chuỗi giá trị so với hoạt động theo mô hình truyền thống (đánh giá hiệu quả về doanh thu, chênh lệch thu chi, chia lợi ích của HTX đối với thành viên, tài sản không chia, lợi ích khác mang lại cho thành viên...).

- Các mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ cao trong quản trị điều hành, sản xuất của HTX, LHHTX (nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, tính minh bạch trong kết quả sản xuất kinh doanh...).

- Hiệu quả các HTX có sản phẩm đạt tiêu chuẩn (VietGap, GlobalGap, xuất khẩu,...).

2.1.5. Đóng góp của THT, HTX, LHHTX, hiệu quả hoạt động vào kết quả chung của các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, đặc biệt là địa bàn dân tộc thiểu số, miền núi và chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP).

- Vai trò của HTX, LHHTX trong lĩnh vực nông nghiệp trong quy hoạch vùng sản xuất, cải tạo hệ thống lưới điện, hệ thống kênh mương và giao thông nội đồng hình thành vùng sản xuất tập trung có quy mô lớn, tạo điều kiện cơ cấu lại cây trồng, mùa vụ và giống để đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ hiện

đại, công nghệ sinh học... nhằm tăng năng suất, nâng cao chất lượng mặt hàng nông sản theo tiêu chuẩn an toàn, sản xuất các mặt hàng OCOP và đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, đóng góp (trực tiếp hoặc gián tiếp) xuất khẩu.

- Vai trò HTX, LHHTX về:

+ Tạo việc làm, đào tạo nghề cho lao động nông thôn; thu hút lao động tại chỗ góp phần hạn chế trong chuyển dịch lao động ra khu công nghiệp và thành thị.

+ Thu hút thanh niên, tri thức trẻ có năng lực về làm việc HTX, LHHTX.

+ Góp phần nâng cao nhận thức của người dân về vai trò của mô hình HTX, LHHTX kiểu mới, thúc đẩy các thanh niên có trình độ về nông thôn khởi nghiệp sáng tạo với các mô hình KTTT, HTX.

+ Góp phần bảo tồn, phát triển các sản phẩm truyền thống, nâng cao chất lượng sản phẩm gắn ứng dụng công nghệ mới.

+ Đảm bảo nguồn lương thực, thực phẩm cung ứng cho người dân địa phương và góp phần an ninh lương thực quốc gia...

- Đấu tranh, ngăn chặn các hành vi tiêu cực, giữ vững an ninh, trật tự an toàn xã hội thông qua thành lập và tổ chức sinh hoạt Đảng, Đoàn thể trong HTX, LHHTX; thực hiện bình đẳng giới, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, năng lực vị thế của phụ nữ ở nông thôn thông qua nguyên tắc hoạt động của HTX.

2.1.6. Kết quả đạt được khác

- Tiếp cận được vốn tín dụng ưu đãi từ Quỹ hỗ trợ phát triển HTX, Quỹ cho vay giải quyết việc làm và Ngân hàng thương mại.

- Đánh giá hiệu quả của các mô hình HTX có nguồn nhân lực trẻ tuổi, mô hình HTX tích tụ được ruộng đất, quy hoạch được vùng nguyên liệu, quy hoạch được vùng sản xuất, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ tiên tiến,.....

2.2. Tồn tại, yếu kém và nguyên nhân

- Tốc độ tăng trưởng THT, HTX, LHHTX trên tất cả các lĩnh vực hoạt động nông nghiệp.

- Thu hút hộ cá thể trên địa bàn nông thôn tham gia thành viên của HTX, LHHTX và thành lập mới các THT, HTX.

- Số lượng HTX, LHHTX chuyển đổi nhưng hoạt động không đúng theo Luật HTX năm 2012.

- HTX được thành lập mới theo chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (tiêu chí tổ chức sản xuất) hoạt động chưa hiệu quả, cầm chừng, ngừng hoạt động.

- Khó khăn trong thành lập mới HTX tại các vùng nghèo, vùng đặc biệt khó khăn và vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tỷ lệ HTX hoạt động hiệu quả, khó khăn của HTX sản xuất theo chuỗi giá trị, HTX ứng dụng công nghệ cao chưa nhiều tích tụ ruộng đất sản xuất theo quy mô lớn; khó nhân rộng.

- Chính sách hỗ trợ, ưu đãi phát triển KTTT, HTX, khả năng tiếp cận chính sách của HTX, LHHTX; quản lý thông tin, biến động về số lượng và thành viên THT, HTX, LHHTX.

- Khó khăn trong tiếp cận các chương trình quốc gia, chương trình mục tiêu quốc gia; tiếp cận chuyển đổi số, công nghệ thông tin, công nghệ 4.0; liên kết sản xuất liên vùng, liên tỉnh; phát triển HTX quy mô cấp xã, tỉnh, huyện,...

- Tiêu chí HTX hoạt động hiệu quả được quy định tại Thông tư 01/2020/TT-BKHĐT về hướng dẫn đánh giá phân loại HTX và thông tư 09/2017/TT-BNNPTNT về hướng dẫn phân loại và đánh giá hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Khó khăn trong phát triển mô hình LHHTX nông nghiệp hoạt động hiệu quả.

- Khó khăn trong việc giải thể, chuyển đổi hoạt động sang mô hình khác của HTX, LHHTX trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Tồn tại, hạn chế khác.

- Phân tích sâu sắc về các nguyên nhân (các HTX hoạt động kém hiệu quả, HTX chưa tiếp cận được chính sách, công tác phân loại, công tác giải thể, phát triển quy mô, phát triển thành viên, chưa thu hút thành viên tham gia HTX, chưa thu hút các cá nhân, lực lượng trẻ thành lập HTX...).

III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐỐI VỚI KINH TẾ TẬP THỂ, HTX GIAI ĐOẠN 2002-2020

1. Các chính sách Trung ương đối với lĩnh vực nông nghiệp

Đánh giá tổng quát việc ban hành, tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển KTTT, HTX trong lĩnh vực nông nghiệp theo Nghị quyết số 13-NQ/TW, Nghị quyết số 26-NQ/TW, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Điều 6 Luật HTX năm 2012, Quyết định 2261/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định 461/QĐ-TTg,...

2. Các chính sách do địa phương ban hành phục vụ trực tiếp cho KTTT, HTX trong lĩnh vực nông nghiệp

2.1. Chính sách đào tạo, bồi dưỡng

- Công tác ban hành văn bản triển khai của địa phương.

- Nội dung đào tạo và tổng kinh phí triển khai (Trung ương, địa phương).
- Đơn vị tổ chức thực hiện (Trung ương triển khai trên địa bàn tỉnh, địa phương và Liên minh HTX cấp tỉnh)
- Đối tượng và số lượng HTX, LHHTX, thành viên, người lao động được hưởng chính sách
- Hiệu quả mang lại của công tác đào tạo bồi dưỡng (về nhận thức, trình độ và đối với hoạt động của HTX, LHHTX) ...

2.2. Chính sách thu hút cán bộ quản lý và khoa học kỹ thuật về làm việc tại HTX, LHHTX

- Công tác ban hành văn bản triển khai của địa phương.
- Nội dung văn bản và tổng kinh phí hỗ trợ.
- Số lượng cán bộ về làm việc và gắn bó lâu dài với HTX, LHHTX.
- Tác động của chính sách tới hoạt động sản xuất, kinh doanh của HTX, LHHTX.
- Nội dung khác (nếu có).

2.3. Chính sách bảo hiểm xã hội đối với thành viên, người lao động

- Công tác ban hành văn bản triển khai của địa phương.
- Số lượng thành viên và người lao động được hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội và tổng kinh phí hỗ trợ
- Tác động của chính sách tới hoạt động sản xuất kinh doanh của HTX, LHHTX (về: tư tưởng yên tâm công tác và đóng góp, gắn bó của thành viên, người lao động trong HTX, LHHTX; thu hút người lao động về làm việc tại HTX...).
- Nội dung khác (nếu có).

2.4. Chính sách hỗ trợ HTX, LHHTX về khoa học công nghệ

- Công tác ban hành văn bản triển khai của địa phương.
- Số lượng mô hình HTX, LHHTX được hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ, tổng kinh phí hỗ trợ (Trung ương, địa phương).
- Đơn vị triển khai (Trung ương triển khai trên địa bàn tỉnh, địa phương và Liên minh HTX cấp tỉnh).
- Tác động của chính sách tới hoạt động sản xuất kinh doanh của HTX, LHHTX (về tăng năng suất, giảm chi phí, doanh thu và chênh lệch thu chi, chất lượng sản phẩm, thu nhập của thành viên và người lao động...).
- Nội dung khác (nếu có).

2.5. Chính sách hỗ trợ HTX, LHHTX tiếp thị và mở rộng thị trường

- Công tác ban hành văn bản triển khai của địa phương.
- Số HTX, LHHTX được tiếp cận chính sách.
- Đơn vị triển khai (Trung ương triển khai trên địa bàn tỉnh, địa phương và Liên minh HTX cấp tỉnh).
- Nội dung triển khai tiếp thị và mở rộng thị trường.
- Tác động của chính sách tới hoạt động sản xuất kinh doanh của HTX, LHHTX (về mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, quảng bá sản phẩm).
- Nội dung khác (nếu có).

2.6. Chính sách tạo điều kiện tham gia các chương trình kinh tế - xã hội

- Công tác ban hành văn bản triển khai của địa phương.
- Số HTX, LHHTX được tiếp cận chính sách.
- Khái quát các chương trình kinh tế - xã hội mà HTX, LHHTX được tạo điều kiện tham gia.
- Tác động của chính sách tới hoạt động sản xuất kinh doanh của HTX, LHHTX.

2.7. Chính sách hỗ trợ thành lập mới, tổ chức lại hoạt động của HTX, LHHTX trong lĩnh vực nông nghiệp

- Công tác ban hành văn bản triển khai của địa phương
- Số HTX, LHHTX được tiếp cận chính sách.
- Đơn vị triển khai hỗ trợ (địa phương và Liên minh HTX cấp tỉnh) và tổng kinh phí hỗ trợ (Trung ương và địa phương).
- Nội dung khác (nếu có).

2.8. Chính sách hỗ trợ xây dựng mô hình HTX, LHHTX kiểu mới sản xuất kinh doanh gắn với chuỗi giá trị sản phẩm chủ lực của địa phương, ứng dụng công nghệ cao sản xuất hữu cơ

- Công tác ban hành văn bản triển khai của địa phương.
- Số lượng mô hình được hỗ trợ xây dựng, đơn vị triển khai (địa phương và Liên minh HTX cấp tỉnh) và tổng kinh phí hỗ trợ (trung ương và địa phương).
- Hoạt động sản xuất kinh doanh của mô hình HTX, LHHTX kiểu mới theo chuỗi giá trị sản phẩm chủ lực của địa phương.
- Nội dung khác (nếu có).

3. Đánh giá chung về tác động và thụ hưởng chính sách Trung ương và địa phương

- Đánh giá cụ thể những giai đoạn 2002-2012, 2013-2015, 2016-2020, gắn với các đề án, chiến lược phát triển kinh tế tập thể của tỉnh (được phê duyệt hay không được phê duyệt), chủ trương cụ thể phát triển các sản phẩm chủ lực, quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp của địa phương; chủ trương bảo tồn các sản phẩm truyền thống địa phương, đảm bảo sản lượng cung ứng sản phẩm cho nội vùng; chính sách của nhà nước (Chỉ thị 12/CT-TTg, Kết luận 56-KL/TW, Kết luận 70-KL/TW, Quyết định 2261/QĐ-TTg, Quyết định 1804/QĐ-TTg, Quyết định 899/QĐ-TTg, Nghị định số 98/2018/NĐ-CP, Quyết định 461/QĐ-TTg và một số văn bản khác có liên quan...).

- Đánh giá hiệu quả của THT, HTX, LHHTX tiếp cận được các chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Trung ương và địa phương. Khái quát về nội dung thụ hưởng, và tổng kinh phí hỗ trợ mà THT, HTX, LHHTX tiếp cận được trong giai đoạn 2002-2020. So sánh, đánh giá hiệu quả giữa các chính sách, giữa các giai đoạn khác nhau và sự thay đổi, thay thế của một số chính sách cụ thể.

- Các THT tiếp cận Nghị định 77/NĐ-CP như thế nào? (So sánh giai đoạn trước và sau khi có Nghị định).

- Các văn bản chính sách trong lĩnh vực nông nghiệp đã phù hợp cho phát triển các LHHTX trong lĩnh vực nông nghiệp hay chưa?

- Các định hướng cụ thể của các cấp chính quyền trong quy hoạch vùng sản xuất, vùng nguyên liệu đảm bảo sản lượng sản xuất theo phương án sản xuất kinh doanh.

- Nêu về chính sách bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm xã hội đối với thành viên HTX trong lĩnh vực nông nghiệp.

4. Tồn tại, yếu kém và nguyên nhân

- Sự đồng bộ của chính sách Trung ương và địa phương.

- Tổ chức thực hiện, sự phối hợp các Sở, ngành, các cấp chính quyền địa phương.

- Nguồn lực bố trí hàng năm, giai đoạn.

- Phân tích nguyên nhân của các hạn chế, tồn tại.

IV. LÃNH ĐẠO CẤP ỦY, CHỈ ĐẠO CỦA CHÍNH QUYỀN; HOẠT ĐỘNG CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI, LIÊN MINH HTX CẤP TỈNH

1. Lãnh đạo của cấp ủy, chỉ đạo của chính quyền địa phương

- Về thể chế hóa Nghị quyết số 13-NQ/TW, Nghị quyết số 26-NQ/TW và các Nghị quyết khác của Đảng.

- Về các chủ trương phát triển, tổ chức kiểm tra và giám sát, giao việc thực hiện Nghị quyết.

- Về bố trí nguồn lực thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển KTTT, HTX.

2. Vai trò của Mặt trận tổ quốc và các tổ chức kinh tế - xã hội

- Công tác tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn các thành viên thể chế hóa Nghị quyết.

- Vai trò giám sát, phản biện, bảo vệ thành viên trong quá trình xây dựng và thực hiện các quy định pháp luật, các chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với KTTT, HTX trong lĩnh vực nông nghiệp.

3. Vai trò của Liên minh HTX cấp tỉnh

3.1. Kết quả đạt được

- Định hướng cụ thể của Liên minh HTX cấp tỉnh trong phát triển của các loại hình HTX nông nghiệp giai đoạn 2002-2020.

- Tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về phát triển KTTT, HTX trong lĩnh vực nông nghiệp: Nội dung và cách thức tuyên truyền, tần suất, chủ trì hay lồng ghép, hiệu quả. Hỗ trợ HTX tiếp cận thông tin như thế nào.

- Thực hiện các chương trình phối hợp, kết nối hỗ trợ HTX.

- Tham gia với vai trò và nêu rõ nhiệm vụ được phân giao trong các Ban Chỉ đạo (*Ban Chỉ đạo đổi mới phát triển KTTT, HTX, Chương trình mục tiêu quốc gia, khác*).

- Vận động, tư vấn, hỗ trợ thành lập mới, tổ chức lại, chuyển đổi hoạt động của HTX, LHHTX theo Luật HTX; huy động các nguồn lực xây dựng mô hình HTX, LHHTX sản xuất gắn với chuỗi giá trị; thành lập các câu lạc bộ HTX chuyên ngành, định hướng thực hiện; tỷ lệ HTX, LHHTX là thành viên của Liên minh HTX tỉnh so với tổng số đang hoạt động trên địa bàn tỉnh.

- Chức năng đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của HTX, LHHTX nông nghiệp.

- Cung ứng dịch vụ công cho HTX, LHHTX trong lĩnh vực nông nghiệp được mở rộng, nâng cao chất lượng, hiệu quả.

- Hợp tác quốc tế khai thác nguồn lực để hỗ trợ phát triển HTX, LHHTX trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Hiệu quả Trung tâm tư vấn hỗ trợ và Quỹ hỗ trợ phát triển HTX đối với HTX trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Tổ chức thi đua, biểu dương khen thưởng HTX, LHHTX hoạt động hiệu quả, lập thành tích chào mừng các sự kiện lớn của đất nước.

- Đóng góp của Liên minh HTX cấp tỉnh trong thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, chương trình khuyến nông...

3.2. Tồn tại, yếu kém

- Cơ cấu, chất lượng cán bộ Liên minh HTX cấp tỉnh chưa phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu của HTX, LHHTX trong lĩnh vực nông nghiệp thành viên.

- Chức năng đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của thành viên và phối hợp với các Sở, ngành địa phương về xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển KTTT, HTX còn hạn chế.

- Khả năng huy động nguồn lực hỗ trợ phát triển THT, HTX, LHHTX trong lĩnh vực nông nghiệp còn hạn chế.

- Tồn tại, tỷ lệ HTX, LHHTX không là thành viên của Liên minh HTX cấp tỉnh, phân tích nguyên nhân.

- Thông tin, số liệu HTX chia lĩnh vực nông nghiệp; tháo gỡ khó khăn đối với HTX.

- Nội dung khác (nếu có).

3.3. Nguyên nhân của tồn tại, yếu kém

- Về nhận thức, sự phối hợp của Sở, ngành địa phương trong triển khai phát triển đối với khu vực KTTT, HTX trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Về chính sách đối với KTTT, HTX trong lĩnh vực nông nghiệp và Liên minh HTX cấp tỉnh còn bất cập, hạn chế.

- Về năng lực nội tại của THT, HTX, LHHTX nông nghiệp

- Quản lý nhà nước về HTX và vai trò của Liên minh HTX cấp tỉnh

- Nguyên nhân khác.

Phần thứ hai

ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ VỀ MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KTTT, HTX LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP GẮN VỚI TÁI CƠ CẤU NÔNG NGHIỆP VÀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2030, TẦM NHÌN 2045

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HTX

- Nội dung dự báo cần nêu cụ thể xu hướng phát triển KTTT, HTX trên địa bàn tỉnh (*tăng lên hay giảm đi*) trong giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn 2045, có thể nêu số liệu thể hiện nội dung này và căn cứ để dự báo là tình hình phát triển KTTT, HTX trong 20 năm qua (*giai đoạn 2002-2020*).

- Lợi ích kinh tế xã hội do THT, HTX, LHHTX mang lại cao hơn hay thấp hơn so với làm ăn hộ cá thể.

- Điều kiện về đất đai, chất lượng nguồn nhân lực, đầu tư cơ sở hạ tầng, thúc đẩy các hộ phải liên kết hợp tác để tổ chức sản xuất, đảm bảo khả năng cạnh tranh.

- Xu hướng sản xuất ứng dụng công nghệ cao gắn với chuỗi giá trị, chuyển đổi số là xu hướng tất yếu.

II. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP LỚN PHÁT TRIỂN KHU VỰC KTTT, HTX TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP

1. Mục tiêu

- Nâng cao hiệu quả hoạt động KTTT, HTX trong lĩnh vực nông nghiệp

+ Thu nhập thành viên.

+ Doanh thu và chênh lệch thu chi của THT, HTX, LHHTX.

+ Tỷ lệ HTX, LHHTX hoạt động hiệu quả.

+ Quy mô hoạt động của thành viên và HTX, LHHTX.

- Tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, Chính sách pháp luật của nhà nước về khu vực KTTT, HTX

+ Tỷ lệ thành viên, cán bộ hệ thống chính trị và người dân được tuyên truyền.

+ Nhận thức.

+ Kinh phí thực hiện.

- Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực.

+ Đối tượng được đào tạo, bồi dưỡng.

+ Các chủ trương chính sách và kinh phí hỗ trợ.

- Tư vấn, thành lập mới, giải thể các HTX, LHHTX hoạt động kém hiệu quả, tái cấu trúc HTX.

- Hỗ trợ xây dựng mô hình HTX, LHHTX kiểu mới, ứng dụng công nghệ cao sản xuất gắn với chuỗi giá trị sản phẩm chủ lực quốc gia, vùng, địa phương.

- Đóng góp của HTX, LHHTX vào GDRP và GDP.

(Đề nghị bám sát các mục tiêu của Kết luận 70-KL/TW, Nghị quyết 134/NQ-CP, Quyết định 340/QĐ-TTg, 1804/QĐ-TTg và 167/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản khác có liên quan).

2. Quan điểm

- Phát triển KTTT, HTX nhanh, hiệu quả và bền vững; đa dạng các loại hình HTX nông nghiệp tại khu vực nông nghiệp, nông dân và nông thôn; thu hút

cá thể tham gia THT, HTX phát triển cả số lượng, quy mô, chất lượng và hiệu quả; phù hợp với điều kiện của địa phương, góp phần tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội bền vững, bảo đảm an sinh xã hội, giữ gìn bản sắc văn hóa và bảo vệ môi trường nông thôn.

- Củng cố, đổi mới tổ chức và hoạt động của Liên minh HTX cấp tỉnh trong đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của thành viên.

- Phát triển Liên đoàn HTX chuyên ngành; hạn chế phát triển số lượng và củng cố chất lượng, hiệu quả hoạt động của các LHHTX hiện có.

3. Các giải pháp

3.1. Các giải pháp lớn

- Đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, thể chế hóa các Nghị quyết, chủ trương của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước về KTTT, HTX nông nghiệp và thu hút thành viên.

- Thành lập học viên đào tạo KTTT, HTX và thành lập các câu lạc bộ HTX chuyên ngành.

- Tiếp tục hoàn thiện khung khổ pháp lý, cơ chế, chính sách về KTTT, HTX, đặc biệt chú trọng chính sách hỗ trợ HTX đối với những vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở miền núi; việc hỗ trợ cần tập trung, tránh dàn trải, phân tán và thiếu nguồn lực thực hiện. Tập trung chỉ đạo, triển khai có hiệu quả các chính sách ưu đãi, hỗ trợ KTTT, HTX tại địa phương.

- Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với HTX, gắn liền công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương trong phát triển KTTT, HTX, - Đổi mới phương thức sản xuất, kinh doanh, nâng cao sức cạnh tranh, hiệu quả hoạt động của KTTT, HTX.

- + Củng cố vai trò của Ban Chỉ đạo đổi mới phát triển KTTT, HTX.

- + Tăng cường kiểm tra, thanh tra tình hình thực hiện pháp luật của HTX, LHHTX trong lĩnh vực nông nghiệp.

- + Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực làm công tác quản lý nhà nước đối với KTTT, HTX.

- Tăng cường vai trò, trách nhiệm và nâng cao hiệu quả hoạt động của Liên minh HTX cấp tỉnh.

- + Chức năng, nhiệm vụ.

- + Nguồn lực và kinh phí.

- + Đào tạo, bồi dưỡng.

- + Nội dung khác (nếu có).

- Đổi mới phương thức sản xuất, kinh doanh, nâng cao sức cạnh tranh, hiệu quả hoạt động của KTTT, HTX trong lĩnh vực nông nghiệp. Cụ thể về:

+ Hướng dẫn tổ chức, củng cố lại hoạt động của HTX, LHHTX và giải thể các HTX, LHHTX hoạt động kém hiệu quả, ngừng hoạt động theo Luật HTX năm 2012.

+ Thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ, ưu đãi phát triển KTTT, HTX trong lĩnh vực nông nghiệp như chính sách thu hút cán bộ trẻ về làm việc, đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực...

+ Xây dựng mô hình HTX liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị, chương trình OCOP.

+ Ứng dụng công nghệ 4.0 và từng bước thực hiện chuyển đổi số nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường và từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ, sản phẩm.

- Phát huy mạnh mẽ vai trò của Mặt trận tổ quốc và các tổ chức thành viên, các đoàn thể, hội, hiệp hội trong phát triển KTTT, HTX lĩnh vực nông nghiệp.

- Sửa đổi các Luật chuyên ngành liên quan đến các lĩnh vực nông nghiệp như Luật Đất đai, Luật HTX...

- Nhiệm vụ và giải pháp khác.

3.2. Các giải pháp cụ thể xử lý các vấn đề bất cập

- Thu hút hộ cá thể trên địa bàn nông thôn tham gia thành viên HTX, THT, thành lập mới HTX, THT trong lĩnh vực nông nghiệp, đặc biệt là tại các vùng nghèo, vùng đặc biệt khó khăn và vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

+ Nội dung, phương thức tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân tại khu vực nông thôn.

+ Xóa bỏ mặc cảm về mô hình HTX kiểu cũ.

+ Nâng cao hiệu quả hoạt động của THT, HTX góp phần nâng cao lợi ích cho các thành viên, người lao động hiện tại về thu nhập, chất lượng dịch vụ...

- Bồi dưỡng, nâng cao năng lực của cán bộ quản trị và người lao động trong THT, HTX, LHHTX lĩnh vực nông nghiệp và của cán bộ Liên minh HTX cấp tỉnh:

+ Hình thức, phương thức, nội dung đào tạo.

+ Áp dụng công nghệ thông tin trong đào tạo, kiểm tra, đánh giá kết quả đào tạo, bồi dưỡng.

+ Xây dựng, triển khai các đề án đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực.

- Giải thể, chuyển đổi các HTX hoạt động kém hiệu quả, ngừng hoạt động:

- + Tư vấn pháp lý về các thủ tục giải thể được quy định trong Luật HTX.
- + Công tác phối hợp với các cấp, chính quyền địa phương trong công tác giải thể HTX, LHHTX.
- Tích tụ ruộng đất sản xuất theo quy mô lớn:
 - + Cách thức và nội dung tuyên truyền về lợi ích của việc tích tụ ruộng đất trong sản xuất nông nghiệp.
 - + Xây dựng phương án sản xuất kinh doanh hiệu quả của HTX gắn việc tích tụ ruộng đất của các thành viên với lợi ích mạng cho thành viên.
 - + Phối hợp với chính quyền địa phương của Liên minh HTX cấp tỉnh trong công tác vận động HTX, thành viên HTX tích tụ ruộng đất sản xuất theo quy mô lớn.
- Phát triển HTX ứng dụng công nghệ cao gắn với chuỗi giá trị, hoạt động hiệu quả:
 - + Tham gia thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia: Xây dựng nông thôn mới; giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững; phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.
 - + Tham gia chương trình hỗ trợ HTX giai đoạn 2021-2025: Tuyên truyền, tư vấn thành lập mới; đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, xúc tiến thương mại và công nghệ, xây dựng mô hình HTX sản xuất gắn với chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao; cho vay vốn của Quỹ hỗ trợ phát triển HTX...
- Thu hút THT, HTX, LHHTX trong lĩnh vực nông nghiệp trở thành thành viên của Liên minh HTX cấp tỉnh:
 - + Nội dung, phương thức tuyên truyền về vị trí và vai trò của Liên minh HTX cấp tỉnh trong phát triển KTTT, HTX.
 - + Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, tư vấn, hỗ trợ.
 - + Nội dung, phương thức đào tạo nâng cao năng lực cán bộ Liên minh HTX cấp tỉnh và cán bộ quản trị, người lao động trong THT, HTX, LHHTX.
 - + Nâng cao hiệu quả các dịch vụ hỗ trợ THT, HTX, LHHTX về: xúc tiến thương mại; công nghệ và bảo vệ môi trường; hỗ trợ pháp lý; dịch vụ kiểm toán; vay vốn tín dụng từ Quỹ hỗ trợ phát triển HTX, quỹ cho vay giải quyết việc làm, quỹ khác và ngân hàng thương mại...
 - + Hỗ trợ HTX, LHHTX lĩnh vực nông nghiệp thuận lợi trong việc tiếp cận các chính sách hỗ trợ, ưu đãi của Chính phủ được quy định trong Luật HTX, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và một số văn bản pháp luật có liên quan...

III. ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ

Phụ lục 1: Kết quả tuyên truyền, quán triệt, thể chế hóa Nghị quyết giai đoạn 2002-2020

1. Về công tác tuyên truyền:

TT	Hình thức tuyên truyền	Đvt	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020
1	Hội nghị tuyên truyền, quán triệt Nghị quyết	Hội nghị																			
2	Tổ chức diễn đàn	Diễn đàn																			
3	Lồng ghép nội dung tuyên truyền vào các lớp tập huấn	Lớp tập huấn																			
4	Bài báo	Bài																			
5	Phóng sự truyền hình	Phóng sự																			
6	Chuyên mục phát thanh	Chuyên mục																			
7	Ân phẩm tuyên truyền	Ân phẩm																			
8	Nội dung khác																				

2. Về công tác thể chế hóa Nghị quyết:

TT	Thể chế hóa Nghị quyết	Đvt	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020
I	Nghị quyết số 13-NQ/TW																				
1	Nghị quyết	Văn bản																			
2	Kết luận	Văn bản																			
3	Thông tri	Văn bản																			
4	Quyết nghị	Văn bản																			
5	Chiến lược	Văn bản																			
6	Chính sách hỗ trợ	Văn bản																			
II	Nghị quyết số 26-NQ/TW																				
1	Nghị quyết	Văn bản																			
2	Kết luận	Văn bản																			
3	Thông tri	Văn bản																			
4	Quyết nghị	Văn bản																			
5	Chiến lược	Văn bản																			
6	Chính sách hỗ trợ	Văn bản																			

Phụ lục 2. Tình hình phát triển KTTT, HTX trong lĩnh vực nông nghiệp giai đoạn 2002-2020

1. Kết quả chung:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm																				
			2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	
I	Hợp tác xã (thống kê các chỉ tiêu sau theo từng lĩnh vực hoạt động trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản đánh bắt, thủy sản nuôi trồng, diêm nghiệp, được liệt kê, khác)																						
1	Tỷ trọng đóng góp vào GRDP	%																					
2	Tổng số HTX	HTX																					
3	Tổng số HTX là thành viên của Liên minh HTX tỉnh	HTX																					
4	Tổng số HTX thành lập mới	HTX																					
5	Tổng số HTX ngừng hoạt động chờ giải thể	HTX																					
6	Tổng số HTX giải thể	HTX																					
7	Tổng số HTX hoạt động hiệu quả	HTX																					
8	Tổng số HTX ứng dụng công nghệ cao, tiến bộ khoa học kỹ thuật	HTX																					
9	Tổng số HTX xuất khẩu nông sản (trực tiếp và gián tiếp)	HTX																					
10	Tổng số thành viên	Người																					
11	Tổng số thành viên chiếm bao nhiêu % tổng số người dân trên địa bàn hoạt động của HTX	%																					
12	Tổng số lao động	Người																					
13	Tổng vốn điều lệ	Trđ																					
14	Tổng tài sản	Trđ																					
15	Tổng doanh thu	Trđ																					
16	Tổng chênh lệch thu chi	Trđ																					
17	Thu nhập bình quân của người lao động thường xuyên trong HTX	Trđ																					
18	Tổng số diện tích đất sản xuất bình quân 1 HTX	m2																					

TT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm																			
			2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020
19	Tổng số cán bộ quản lý HTX																					
	Trong đó																					
-	Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ sơ cấp, trung cấp	Người																				
-	Số cán bộ quản lý HTX đạt trình độ cao đẳng, đại học trở lên	Người																				
II	Liên hiệp HTX (thống kê các chi tiêu sau theo từng lĩnh vực hoạt động trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản đánh bắt, thủy sản nuôi trồng, diêm nghiệp, được liệt, khác)																					
1	Tỷ trọng đóng góp vào GRDP	%																				
2	Tổng số LHL/HTX	LHNTX																				
3	Tổng số LHNTX là thành viên của Liên minh LHNTX tỉnh	LHNTX																				
4	Tổng số LHNTX thành lập mới	LHNTX																				
5	Tổng số LHNTX ngừng hoạt động chờ giải thể	LHNTX																				
6	Tổng số LHNTX giải thể	LHNTX																				
7	Tổng số LHNTX hoạt động hiệu quả	LHNTX																				
8	Tổng số LHNTX ứng dụng công nghệ cao, tiến bộ khoa học kỹ thuật	LHNTX																				
9	Tổng số HTX thành viên	HTX																				
10	Tổng số lao động	Người																				
11	Tổng vốn điều lệ	Trđ																				
12	Tổng tài sản	Trđ																				
13	Tổng doanh thu	Trđ																				
14	Tổng chênh lệch thu chi	Trđ																				
15	Thu nhập bình quân của người lao động thường xuyên trong LHNTX	Trđ																				
16	Tổng số diện tích đất sản xuất bình quân 1 LHNTX	m2																				
17	Tổng số cán bộ quản lý LHNTX																					
	Trong đó																					

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm																				
			2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	
-	Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ sơ cấp, trung cấp	Người																					
-	Số cán bộ quản lý HTX đạt trình độ cao đẳng, đại học trở lên	Người																					
III	Tổ hợp tác (thống kê các chỉ tiêu sau theo từng lĩnh vực hoạt động trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản đánh bắt, thủy sản nuôi trồng, diêm nghiệp, được liệt, khác)																						
1	Tổng số THT	THT																					
2	Tổng số THT thành lập mới	THT																					
3	Tổng số THT giải thể	THT																					
4	Tổng số thành viên THT	Người																					

2. Quy mô thành viên (Thống kê các chỉ tiêu sau theo từng lĩnh vực hoạt động trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản đánh bắt, thủy sản nuôi trồng, diêm nghiệp, được liệt kê, khác):

TT	Nội dung	Năm 2002			Năm 2013			Năm 2020		
		3 thành viên (THT)	Từ 3 - 10 thành viên (THT)	Trên 10 thành viên (THT)	3 thành viên (THT)	Từ 3 - 10 thành viên (THT)	Trên 10 thành viên (THT)	3 thành viên (THT)	Từ 3 - 10 thành viên (THT)	Trên 10 thành viên (THT)
1	Tổ hợp tác									
...	...									
2	Hợp tác xã	Từ 7 - 50 thành viên (HTX)	Từ 50 - 300 thành viên (HTX)	Trên 300 thành viên (HTX)	Từ 7 đến 50 thành viên (HTX)	Từ 50 đến 300 thành viên (HTX)	Trên 300 thành viên (HTX)	Từ 7 đến 50 thành viên (HTX)	Từ 50 đến 300 thành viên (HTX)	Trên 300 thành viên (HTX)
...	...									
3	Liên hiệp HTX	4 thành viên (LHHTX)	Từ 4 - 7 thành viên (LHHTX)	Trên 7 thành viên (LHHTX)	4 thành viên (LHHTX)	Từ 4 đến 7 thành viên (LHHTX)	Trên 7 thành viên (LHHTX)	4 thành viên (LHHTX)	Từ 4 đến 7 thành viên (LHHTX)	Trên 7 thành viên (LHHTX)
...	...									

3. Quy mô lao động (Thống kê các chỉ tiêu sau theo từng lĩnh vực hoạt động trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản đánh bắt, thủy sản nuôi trồng, diêm nghiệp, được liệt kê, khác):

TT	Nội dung	Năm 2002			Năm 2013			Năm 2020		
		3 lao động (THT)	3 - 7 lao động (THT)	Trên 7 lao động (THT)	3 lao động (THT)	3 đến 7 lao động (THT)	Trên 7 lao động (THT)	3 lao động (THT)	3 - 7 lao động (THT)	Trên 7 lao động (THT)
1	Tổ hợp tác									
...	...									
2	Hợp tác xã	10 lao động (HTX)	10 - 20 lao động (HTX)	Trên 20 lao động (HTX)	10 lao động (HTX)	10 - 20 lao động (HTX)	Trên 20 lao động (HTX)	10 lao động (HTX)	10 - 20 lao động (HTX)	Trên 20 lao động (HTX)

TT	Nội dung	Năm 2002			Năm 2013			Năm 2020		
		3 lao động (LHHTX)	3 - 7 lao động (LHHTX)	Trên 7 lao động (LHHTX)	3 lao động (LHHTX)	3 đến 7 lao động (LHHTX)	Trên 7 lao động (LHHTX)	3 lao động (LHHTX)	3 - 7 lao động (LHHTX)	Trên 7 lao động (LHHTX)
...	...									
3	LHHTX									
...	...									

4. Trụ sở làm việc, cơ sở chế biến, tiêu chuẩn an toàn sản phẩm, nhân lực trong HTX, LHHTX (Thống kê các chỉ tiêu sau theo từng lĩnh vực hoạt động trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản đánh bắt, thủy sản nuôi trồng, diêm nghiệp, dược liệu, khác):

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Trụ sở làm việc				Cơ sở chế biến		Tiêu chuẩn an toàn sản phẩm		Độ tuổi trung bình cán bộ quản lý		
			Trụ sở độc lập riêng	Trụ sở di thuê	Trụ sở tại khuôn viên UBND	Chưa có trụ sở làm việc	Có cơ sở chế biến	Chưa có cơ sở chế biến	Tiêu chuẩn an toàn sản phẩm (Vietgap, Global Gap, hữu cơ)	Chưa có tiêu chuẩn an toàn sản phẩm	Dưới 40 tuổi	Từ 40-55 tuổi	Trên 55 tuổi
1	Hợp tác xã												
...	...	HTX											
2	Liên hiệp HTX												
...	...	LHHTX											

5. Quy mô hoạt động của HTX trong lĩnh vực nông nghiệp trong giai đoạn 2002-2020:

TT	Lĩnh vực	Năm 2002			Năm 2013			Năm 2020		
		Quy mô thôn (HTX)	Quy mô xã (HTX)	Quy mô huyện, tỉnh (HTX)	Quy mô thôn (HTX)	Quy mô xã (HTX)	Quy mô huyện, tỉnh (HTX)	Quy mô thôn (HTX)	Quy mô xã (HTX)	Quy mô huyện, tỉnh (HTX)
1	Trồng trọt									
2	Chăn nuôi									
3	Lâm nghiệp									
4	Thủy sản									
-	Thủy sản đánh bắt									
-	Thủy sản nuôi trồng									
5	Diêm nghiệp									
6	Dược liệu									
7	Khác									

6. Lợi ích của thành viên, lao động HTX, LHHTX trong lĩnh vực nông nghiệp giai đoạn 2002-2020 (Thống kê các chỉ tiêu sau theo từng lĩnh vực hoạt động trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản đánh bắt, thủy sản nuôi trồng, diêm nghiệp, dược liệu, khác):

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm																			
			2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020
1	Tổng số lao động được đóng BHXH																					

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm																			
			2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020
2	Tổng số lao động được đào tạo, bồi dưỡng																					
3	Tổng số lao động được đào tạo nghề																					
4	Được tuyên truyền, quán triệt nghị quyết, chính sách pháp luật																					
5	Được đào tạo nghề, 3 chức danh																					
6	Xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm																					
7	Chuyên giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật																					
8	Tài chính tín dụng																					
9	Vốn, giống																					
10	Chế biến bảo quản sản phẩm sau thu hoạch																					
11	Nội dung khác																					

Phụ lục 3. Kết quả thụ hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ của HTX giai đoạn 2002-2020

TT		Nội dung chính sách	Kết quả thực hiện															
			Năm 2001			Năm 2002			Năm 2003			Năm 2004			Năm 2005			
			Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)		Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)		Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)		Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)		Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)		
				NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP	
		TỔNG																
1		Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực																
2		Thu hút cán bộ quản lý và khoa học kỹ thuật về làm việc tại HTX																
3		Chính sách BHXH đối với thành viên, người lao động trong HTX																
4		Chính sách đất đai																
5		Chính sách tín dụng																
6		Chính sách hỗ trợ về khoa học công nghệ																
7		Chính sách hỗ trợ tiếp thị và mở rộng thị trường																
8		Chính sách đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng																
9		Chính sách tạo điều kiện tham gia các chương trình mục tiêu, chương trình phát triển kinh tế - xã hội																
10		Hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn tiền tai, dịch bệnh																
11		Hỗ trợ về chế biến sản phẩm																
12		Hỗ trợ thành lập mới HTX, LHHTX																
13		Hỗ trợ tổ chức lại hoạt động HTX																
14		Xây dựng chuỗi giá trị chủ lực từ dịch vụ đầu vào, chế biến, tiêu thụ sản phẩm																

TT	Nội dung chính sách	Kết quả thực hiện (tiếp theo)																			
		Năm 2006				Năm 2007				Năm 2008				Năm 2009				Năm 2010			
		Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)		Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)		Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)		Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)		Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)		Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)			
			NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP					
	TỔNG																				
1	Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực																				

TT	Nội dung chính sách	Kết quả thực hiện (tiếp theo)											
		Năm 2006			Năm 2007			Năm 2008			Năm 2009		
		Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)		Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)		Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)		Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)	
			NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP
2	Thu hút cán bộ quản lý và khoa học kỹ thuật về làm việc tại HTX												
3	Chính sách BHXH đối với thành viên, người lao động trong HTX												
4	Chính sách đất đai												
5	Chính sách tín dụng												
6	Chính sách hỗ trợ về khoa học công nghệ												
7	Chính sách hỗ trợ tiếp thị và mở rộng thị trường												
8	Chính sách đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng												
9	Chính sách tạo điều kiện tham gia các chương trình mục tiêu, chương trình phát triển kinh tế - xã hội												
10	Hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn tiền tại, dịch bệnh												
11	Hỗ trợ về chế biến sản phẩm												
12	Hỗ trợ thành lập mới HTX, LHHTX												
13	Hỗ trợ tổ chức lại hoạt động HTX												
14	Xây dựng chuỗi giá trị chủ lực từ dịch vụ đầu vào, chế biến, tiêu thụ sản phẩm												

TT	Nội dung chính sách	Kết quả thực hiện (tiếp theo)											
		Năm 2011			Năm 2012			Năm 2013			Năm 2014		
		Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)		Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)		Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)		Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)	
			NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP
	TỔNG												
1	Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực												
2	Thu hút cán bộ quản lý và khoa học kỹ thuật về làm việc tại HTX												
3	Chính sách BHXH đối với thành viên, người lao động trong HTX												

Kết quả thực hiện (tiếp theo)																
TT	Nội dung chính sách	Năm 2011			Năm 2012			Năm 2013			Năm 2014			Năm 2015		
		Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)		Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)		Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)		Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)		Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)	
			NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP
4	Chính sách đất đai															
5	Chính sách tín dụng															
6	Chính sách hỗ trợ về khoa học công nghệ															
7	Chính sách hỗ trợ tiếp thị và mở rộng thị trường															
8	Chính sách đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng															
9	Chính sách tạo điều kiện tham gia các chương trình mục tiêu, chương trình phát triển kinh tế - xã hội															
10	Hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn tiền tai, dịch bệnh															
11	Hỗ trợ về chế biến sản phẩm															
12	Hỗ trợ thành lập mới HTX, LHHTX															
13	Hỗ trợ tổ chức lại hoạt động HTX															
14	Xây dựng chuỗi giá trị chủ lực từ dịch vụ đầu vào, chế biến, tiêu thụ sản phẩm															

TT	Nội dung chính sách	Kết quả thực hiện (tiếp theo)											
		Năm 2017			Năm 2018			Năm 2019			Năm 2020		
		Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)		Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)		Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)		Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)	
			NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP
	TỔNG												
1	Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực												
2	Thu hút cán bộ quản lý và khoa học kỹ thuật về làm việc tại HTX												
3	Chính sách BHXH đối với thành viên, người lao động trong HTX												
4	Chính sách đất đai												
5	Chính sách tín dụng												

Kết quả thực hiện (tiếp theo)																
TT	Nội dung chính sách	Năm 2017				Năm 2018				Năm 2019				Năm 2020		
		Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)		Số lượng	Số lượng	Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)		Số lượng	Số lượng	Số lượng	Số lượng	Số lượng		
			NSTW	NSDP				NSTW	NSDP						NSTW	NSDP
6	Chính sách hỗ trợ về khoa học công nghệ															
7	Chính sách hỗ trợ tiếp thị và mở rộng thị trường															
8	Chính sách đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng															
9	Chính sách tạo điều kiện tham gia các chương trình mục tiêu, chương trình phát triển kinh tế - xã hội															
10	Hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn tiền tai, dịch bệnh															
11	Hỗ trợ về chế biến sản phẩm															
12	Hỗ trợ thành lập mới HTX, LHHTX															
13	Hỗ trợ tổ chức lại hoạt động HTX															
14	Xây dựng chuỗi giá trị chủ lực từ dịch vụ đầu vào, chế biến, tiêu thụ sản phẩm															

Phụ lục 4. Kết quả thực hiện Nghị quyết của Liên minh HTX cấp tỉnh

I. Công tác tuyên truyền phát triển khu vực KTTT, HTX giai đoạn 2002-2020

1. Hoạt động tập huấn, hội thảo, nghiên cứu văn bản khác liên quan đến KTTT, HTX:

TT	Nội dung	Số lượng lớp (lớp)	Đối tượng				Tổng số (người)
			Ban Quản trị (người)	Ban Kiểm soát (người)	Kế toán (người)	Khác (người)	
1	Liên minh chủ trì						
2	Liên minh phối hợp tổ chức						
	Tổng cộng						

2. Hoạt động tuyên truyền, phối hợp với báo chí, đài truyền hình:

TT	Nội dung	Có	Chưa
1	Liên minh có chương trình phối hợp với đài truyền hình và phát thanh ở địa phương?		
2	Quan hệ thường xuyên với báo chí ở địa phương?		
3	Liên minh đã có tạp chí, tập san?		
4	Liên minh có gửi thông tin, tài liệu thường xuyên cho các HTX, đơn vị thành viên?		

II. Vận động phát triển, thành lập mới THT, HTX, LHHTX

1. Hình thức vận động phát triển THT, HTX, LHHTX:

TT	Các hình thức tổ chức vận động	Số lượng được Liên minh HTX tỉnh, thành phố hướng dẫn vận động, tổ chức thành lập (đơn vị)			Tổng cộng (đơn vị)
		THT	HTX	LHHTX	
	Chủ động tổ chức vận động; Phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể cấp tỉnh				
	Tổng cộng				

2. Số lượng THT, HTX, LHHTX được Liên minh HTX cấp tỉnh tư vấn thành lập mới trong giai đoạn 2002-2020:

TT	Tên mô hình	Số lượng thành lập (đơn vị)			Tổng cộng (đơn vị)
		THT	HTX	LMHTX	
1	Trồng trọt				
2	Chăn nuôi				
3	Lâm nghiệp				
4	Thủy sản				
4.1	Thủy sản đánh bắt				
4.2	Thủy sản nuôi trồng				
5	Diêm nghiệp				
6	Nước sạch nông thôn				
7	Tổng hợp				
	Tổng cộng				

3. Tham gia xây dựng và tổ chức triển khai chính sách, pháp luật về khu vực KTTT, HTX giai đoạn 2002-2020

3.1. Tham gia xây dựng văn bản chính sách, pháp luật:

TT	Nội dung (Nghị quyết, chương trình, đề án, kế hoạch...)	Cách thức tham gia		Cấp tham gia			
		Chủ trì	Góp ý	Tỉnh ủy, thành ủy	HĐND tỉnh, TP	UBND tỉnh, TP	Huyện
1							
2							
...							

3.2. Phối hợp với các Sở, ngành, tổ chức đoàn thể, chính trị:

TT	Các chương trình phối hợp ký kết	Thời gian	Tên cơ quan ký kết			
			Sở, ban, ngành	Các đoàn thể, hiệp hội	Huyện, thị	Khác
1						
..	...					

4. Hoạt động hỗ trợ vốn

TT	Nội dung dự án	Nguồn vốn (triệu đồng)				Tổng cộng (triệu đồng)
		Ngân hàng	Quỹ hỗ trợ PTHTX	Tổ chức phi Chính phủ	Chương trình hỗ trợ dự án	
1						
2						
...						

5. Hoạt động hỗ trợ khoa học, công nghệ

TT	Tên hoạt động, đề tài, dự án	Liên minh HTX tỉnh, thành phố		Các đơn vị khác	
		Kinh phí (triệu đồng)	Lĩnh vực khoa học, công nghệ	Kinh phí (triệu đồng)	Lĩnh vực khoa học, công nghệ
1					
2					
...					
	Tổng cộng				

6. Hoạt động xúc tiến thương mại

TT	Nội dung	Số lượng hội chợ, triển lãm (cặp)	Số HTX, thành viên Liên minh HTX tham dự (đơn vị)
1	Hội chợ, triển lãm trong nước		
2	Hội chợ triển lãm ngoài nước		
3	Các hoạt động xúc tiến thương mại khác		
	Tổng cộng		

7. Hỗ trợ pháp lý

Số HTX, thành viên được tư vấn pháp lý (đơn vị)	Số HTX, thành viên được bảo vệ thành công (đơn vị)	Số HTX, thành viên được hỗ trợ pháp lý khác (đơn vị)

8. Tham gia các chương trình kinh tế - xã hội

TT	Tên các chương trình KT – XH và các chương trình khác	Tham gia với vai trò					
		Ban Chỉ đạo		Ban soạn thảo	Tổ biên tập	Thành viên	Khác
		Phó ban chỉ đạo thường trực	Thành viên thường trực				
1	Ban đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, HTX						
2	Ban chỉ đạo chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới						
3	Ban chỉ đạo chương trình MTQG giảm nghèo bền vững						
4	Khác (nếu cụ thể tên)						

Phụ lục 5. Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

Tiêu chí	2010		2011		2012		2013		2014		2015		2016		2017		2018		2019		2020	
	Xã đạt	%	Xã đạt	%	Xã đạt	%	Xã đạt	%	Xã đạt	%	Xã đạt	%	Xã đạt	%	Xã đạt	%	Xã đạt	%	Xã đạt	%	Xã đạt	%
Quy hoạch																						
Giao thông																						
Thủy lợi																						
Điện																						
Trường học																						
Cơ sở vật chất văn hóa																						
Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn																						
Thông tin và truyền thông																						
Nhà ở dân cư																						
Thu nhập																						
Hộ nghèo																						
Lao động																						
Tổ chức sản xuất																						
Giáo dục và đào tạo																						
Y tế																						
Văn hóa																						
Môi trường và an toàn thực phẩm																						
Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật																						
Quốc phòng và an ninh																						

Ghi chú: % (tính % xã đạt nông thôn mới so với tổng số xã).

Phụ lục 6. Số lượng HTX nông nghiệp thành lập mới và tỷ lệ hoạt động hiệu quả tại các vùng nghèo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm																			
			2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020
1	Hợp tác xã chuyên ngành trồng trọt																					
-	Tổng số HTX	HTX																				
-	Số lượng HTX thành lập mới	HTX																				
-	Số lượng HTX ngừng hoạt động, giải thể	HTX																				
-	Tỷ lệ HTX hoạt động hiệu quả	%																				
2	Hợp tác xã chuyên ngành chăn nuôi																					
-	Tổng số HTX	HTX																				
-	Số lượng HTX thành lập mới	HTX																				
-	Số lượng HTX ngừng hoạt động, giải thể	HTX																				
-	Tỷ lệ HTX hoạt động hiệu quả	%																				
3	Hợp tác xã chuyên ngành thủy sản nuôi trồng																					
-	Tổng số HTX	HTX																				
-	Số lượng HTX thành lập mới	HTX																				
-	Số lượng HTX ngừng hoạt động, giải thể	HTX																				
-	Tỷ lệ HTX hoạt động hiệu quả	%																				
4	Hợp tác xã chuyên ngành thủy sản đánh bắt																					
-	Tổng số HTX	HTX																				
-	Số lượng HTX thành lập mới	HTX																				
-	Số lượng HTX ngừng hoạt động, giải thể	HTX																				
-	Tỷ lệ HTX hoạt động hiệu quả	%																				
5	Hợp tác xã chuyên ngành lâm nghiệp																					
-	Tổng số HTX	HTX																				
-	Số lượng HTX thành lập mới	HTX																				

Chi tiêu		Đơn vị tính	Thực hiện năm																			
TT			2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020
-	Số lượng HTX ngừng hoạt động, giải thể	HTX																				
-	Tỷ lệ HTX hoạt động hiệu quả	%																				
6	Hợp tác xã chuyên ngành được liệu																					
-	Tổng số HTX	HTX																				
-	Số lượng HTX thành lập mới	HTX																				
-	Số lượng HTX ngừng hoạt động, giải thể	HTX																				
-	Tỷ lệ HTX hoạt động hiệu quả	%																				
7	Hợp tác xã chuyên ngành diêm nghiệp																					
-	Tổng số HTX	HTX																				
-	Số lượng HTX thành lập mới	HTX																				
-	Số lượng HTX ngừng hoạt động, giải thể	HTX																				
-	Tỷ lệ HTX hoạt động hiệu quả	%																				
8	Hợp tác xã chuyên ngành khác																					
-	Tổng số HTX	HTX																				
-	Số lượng HTX thành lập mới	HTX																				
-	Số lượng HTX ngừng hoạt động, giải thể	HTX																				
-	Tỷ lệ HTX hoạt động hiệu quả	%																				

Phụ lục 7: Thống kê số lượng sản phẩm OCOP giai đoạn 2017-2020

TT	Lĩnh vực	Năm 2018						Năm 2019						Năm 2020					
		3 sao		4 sao		5 sao		3 sao		4 sao		5 sao		3 sao		4 sao		5 sao	
		Số lượng HTX	Số lượng sản phẩm	Số lượng HTX	Số lượng sản phẩm	Số lượng HTX	Số lượng sản phẩm	Số lượng HTX	Số lượng sản phẩm	Số lượng HTX	Số lượng sản phẩm	Số lượng HTX	Số lượng sản phẩm	Số lượng HTX	Số lượng sản phẩm	Số lượng HTX	Số lượng sản phẩm	Số lượng HTX	Số lượng sản phẩm
1	Trồng trọt																		
2	Chăn nuôi																		
3	Dược liệu																		
4	Thủy sản nuôi trồng																		
5	Thủy sản đánh bắt																		
6	Diêm nghiệp																		
7	Lâm nghiệp																		
8	Lĩnh vực khác																		

Phụ lục 8. Danh sách HTX có sản phẩm đạt chứng nhận OCOP, trực tiếp hoặc gián tiếp xuất khẩu, ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất

1. Danh sách HTX có sản phẩm đạt chứng nhận OCOP:

TT	Tên HTX	Địa chỉ	Sản phẩm OCOP	Sản phẩm đạt mấy sao
1	...			
2	...			
3	...			
4	...			
5	...			
6	...			
7	...			
...	...			

2. Danh sách HTX ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất:

TT	Tên HTX	Địa chỉ	Công nghệ cao được ứng dụng	Xuất xứ công nghệ
1	...			
2	...			
3	...			
4	...			
5	...			
6	...			
7	...			
...	...			

3. Danh sách HTX có tham gia hoạt động xuất khẩu nông sản:

TT	Tên HTX	Địa chỉ	Loại sản phẩm xuất khẩu	Trực tiếp xuất khẩu	Kết hợp với doanh nghiệp	Thị trường xuất khẩu	Kim ngạch (đvt: Trđ)	Ghi chú
1	...							
2	...							
3	...							
4	...							
5	...							
6	...							
7	...							
...	...							